

Bản án số: **10/2019/KDTM-ST**

Ngày: 28 - 6 - 2019.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương.

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP VPB. Địa chỉ: quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huỳnh Hữu T - Chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 2812/2018/XLN-AMC ngày 28/12/2018)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH VT. Địa chỉ: Phường X, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Đình Q - Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Phí Đình Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Chung cư 21 tầng, TTTM Phường Y, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Nguyễn Huỳnh*

Hữu T trình bày:

* Ngày 02 tháng 12 năm 2016 Công ty TNHH VT (viết tắt Công ty) ký hợp đồng tín dụng số SME/VTU/16/0105/HDTD vay của Ngân hàng TMCP VPB (viết tắt Ngân hàng) số tiền 700.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng lãi suất 19,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; phương thức trả lãi và trả nợ gốc (chia thành 36 kỳ) được thực hiện vào ngày 20 hàng tháng.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Phí Đình Quyền theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/16/0105/HDTD ngày 02/12/2016.

* Ngày 26 tháng 5 năm 2016 Công ty ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/VTU/16/0029/HDTD vay của Ngân hàng với hạn mức 500.000.000đ, Công ty đã vay vốn, trả nợ nhiều lần và đã được giải ngân qua các khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 28/6/2019 Công ty còn nợ của Ngân hàng các khế ước cụ thể như sau:

Lần 05/số: SME/VTU/16/0029/HDHM ngày 01/11/2016 vay số tiền 108.000.000đ, lãi suất 18.7%/năm;

Lần 06/số: SME/VTU/16/0029/HDHM ngày 23/11/2016 vay số tiền 60.600.000đ, lãi suất 18.7%/năm;

Lần 07/số: SME/VTU/16/0029/HDHM ngày 03/3/2017 vay số tiền 197.000.000đ, lãi suất 19%/năm;

Lần 08/số: SME/VTU/16/0029/HDHM-08 ngày 23/5/2017 vay số tiền 204.000.000đ, lãi suất 19%/năm;

Tổng cộng: 569.600.000đ. Tất cả các khế ước đều thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần và mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh; phương thức trả lãi và trả nợ gốc (chia thành 12 kỳ) được thực hiện vào ngày 20 hàng tháng.

Khoản vay này, được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Phí Đình Quyền theo hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/16/0029/HDBLS ngày 26 tháng 5 năm 2016.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng trên, Công ty đã thanh toán được một phần nợ gốc và lãi. Hiện còn nợ gốc là 785.300.000đ và nợ lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 415.481.373đ (trong đó lãi trong hạn là: 277.945.760đ; lãi quá hạn là: 137.110.242đ). Tổng cộng: 1.200.781.373đ đến nay chưa thanh toán.

* Ngoài ra Công ty TNHH VT có mở Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP VPB ngày 08/11/2016 với hạn mức thẻ 100.000.000 đồng.

Khoản thẻ tín dụng này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Phí Đình Q theo Hợp đồng bảo lãnh số TTDQT/HT-VPB/HDBLDS ngày 08/11/2016.

Hiện Công ty TNHH VT còn dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng với số tiền: 43.675.590 đồng, đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận.

* Như vậy tính đến ngày 28/6/2019 Công ty TNHH VT còn nợ tiền gốc, lãi của hai hợp đồng và thẻ là: nợ gốc: 785.300.000đ; nợ lãi: 415.481.373đ và nợ thẻ: 43.675.590đ. Tổng cộng: 1.244.456.963đ.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH VT đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu:

- Công ty TNHH VT phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi và nợ thẻ tính đến hết ngày 28/6/2019 là 1.244.456.963đ. Đồng thời Công ty vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp Công ty TNHH VT không thực hiện nghĩa vụ trả, thì yêu cầu ông Phí Đình Quyên có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Bị đơn Công ty TNHH VT: đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn đã được thông báo.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án cần rút kinh nghiệm. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt và không có ý kiến gì, Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 785.300.000đ, tiền lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 415.481.373đ và tiền nợ thẻ tín dụng là 43.675.590đ. Tổng cộng: 1.244.456.963đ. Công ty phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng kể từ ngày 29/6/2019 cho đến khi trả hết nợ theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp Công ty không thanh toán nợ thì ông Phí Đình Quyên có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0029 ngày 26/5/2016 cùng các khế ước nhận nợ ngày 01/11/2016, 23/11/2016, 03/3/2017 và 23/5/2017 thể hiện Công ty vay của Ngân hàng tổng số tiền 569.600.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày vay và Hợp đồng tín dụng số 0105 và khế ước nhận nợ cùng ngày 02/12/2016, Công ty vay số tiền 700.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày vay. Tổng cộng tiền vay của hai hợp đồng là 1.269.600.000đ, phương thức trả nợ theo kỳ và lãi suất do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ. Ngoài ra ngày 08/11/2016 Công ty còn mở thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng với hạn mức thẻ 100.000.000đ. Đại diện nguyên đơn xác nhận, hiện Công ty còn nợ tiền của hai hợp đồng nêu trên gồm: nợ gốc 785.300.000đ, nợ lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 415.481.373đ (lãi trong hạn: 277.945.760đ; lãi quá hạn: 137.110.242đ) và tiền nợ thẻ tín dụng 43.675.590đ, tổng cộng 1.244.456.963đ. Từ ngày 20/9/2017 đến nay Công ty không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả các khoản nợ trên, đồng thời phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc từ ngày 29/6/2019 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản xác nhận các khoản nợ do nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và xác nhận các khoản nợ đã trả của ngân hàng, có cơ sở xác định hiện nay Công ty còn nợ Ngân hàng các khoản tổng cộng 1.244.456.963đ và đã vi phạm thời hạn trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ là có căn cứ nên chấp nhận, buộc Công ty TNHH VT phải trả cho Ngân hàng 1.244.456.963đ. Trong đó, tiền nợ gốc 785.300.000đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 415.481.373đ (lãi trong hạn 277.945.760đ, quá hạn 137.110.242đ) và tiền nợ thẻ tín dụng 43.675.590đ; Công ty TNHH VT phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc từ ngày 29/6/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngày 25/6/2019 và Hợp đồng tín dụng ngày 02/12/2019.

[3] Đối với các hợp đồng bảo lãnh số: SME/VTU/16/0105/HDTD ngày 02/12/2016, số: SME/VTU/16/0029/HDBLS ngày 26/5/2016 và số: TTDQT/HT-VPB/HDBLDS ngày 08/11/2016. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, thể ý chí của các bên, do đó trường hợp Công ty không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Phí Đình Q có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH VT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số nợ phải trả 1.244.456.963đ là 49.333.708đ.

- Ngân hàng TMCP VPB không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 298, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VPB về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH VT:

1. Công ty TNHH VT phải trả cho Ngân hàng TMCP VPB số tiền 1.244.456.963đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 785.300.000đ;
- Nợ lãi tính đến ngày 28/6/2019 là 415.481.373đ;
- Nợ thẻ tín dụng: 43.675.590đ.

2. Công ty TNHH VT phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP VPB kể từ ngày 29/6/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức dụng số SME/VTU/16/0029/HDTD ngày 26/5/2016 và Hợp đồng tín dụng số SME/VTU/16/0105/HDTD ngày 02/12/2016.

3. Trường hợp Công ty TNHH VT không trả nợ thì Ngân hàng TMCP VPB có quyền yêu cầu ông Phí Đình Q có nghĩa vụ liên đới trả các khoản nợ của Công ty cho Ngân hàng, theo các hợp đồng bảo lãnh số: SME/VTU/16/0105/ HDTD ngày 02/12/2016, số: SME/VTU/16/0029/HDBLS ngày 26/5/ 2016 và số: TTDQT/HT-VPB/HDBLDS ngày 08/11/2016.

4. Án phí:

- Công ty TNHH VT phải nộp 49.333.708đ (Bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm lẻ tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VPB tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.108.000đ (Hai mươi triệu một trăm không tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003360 ngày 20/6/2018 và số 0006297 ngày 14/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP. V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức